



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC GIÁO DỤC  
Tập 14, Số 7 (2017): 133-145

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

EDUCATION SCIENCE  
Vol. 14, No. 7 (2017): 133-145

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ CẢI TIẾN CÁC TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

*Nguyễn Kim Dung\*, Lê Thị Thu Liễu*

*Viện Nghiên cứu Giáo dục – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

*Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-12-2016; ngày phân biện đánh giá: 15-3-2017; ngày chấp nhận đăng: 29-7-2017*

### TÓM TẮT

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thuộc đề tài cấp Sở “Thử nghiệm kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD) bậc trung học phổ thông (THPT)”. Nội dung bài viết bao gồm các phân tích, đánh giá (ĐG) về tính khả thi và phù hợp của các TCKĐ chất lượng các trường THPT của Việt Nam dựa vào kết quả khảo sát 30 trường THPT đã hoàn thành báo cáo tự ĐG và kết quả ĐG ngoài của 4 trường THPT tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM).

**Từ khóa:** tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, trung học phổ thông.

### ABSTARCT

***Some suggestions for improving educational quality accreditation standards at high school level***

*This paper presents the results of a Provincial research “Testing accreditation standards of educational quality at high schools in Ho Chi Minh City.” The content of this paper includes analyses and the assessment of the feasibility and the appropriateness of accreditation standards of high schools in Vietnam based on survey results of 30 high schools in Ho Chi Minh City which have completed self-assessment reports and external assessment results of 4 high schools in Ho Chi Minh City.*

**Keywords:** educational quality accreditation standards, high school.

### 1. Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu

Để ĐG tính khả thi và phù hợp của Bộ Tiêu chuẩn kiểm định (TCKĐ) hiện hành, chúng tôi sử dụng phương pháp chuyên gia là chủ yếu, kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng khác như: nghiên cứu tài liệu; nghiên cứu hồ sơ; và khảo sát bằng bảng hỏi đối với khoảng hơn 5000 đối tượng gồm 85 cán bộ quản lý (CBQL) cấp trường, 678 GV (GV), 669 phụ huynh (PH) và 3674 học sinh (HS)

của 30 trường THPT TPHCM đã hoàn thành báo cáo tự ĐG nhằm ĐG thực trạng, CLGD và tính thích hợp của các tiêu chí kiểm định cũng được thực hiện. Đề tài cũng đã thực hiện phỏng vấn, quan sát và khảo sát thực địa, sử dụng Bộ TCKĐ do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành để tổ chức tự ĐG và ĐG ngoài thí điểm cho 4 trường THPT tại TPHCM nhằm rút ra các kết luận và góp ý sửa đổi hoàn chỉnh Bộ TCKĐ của Bộ GD&ĐT bên

\* Email: kimnguyen@ier.edu.vn

cạnh việc ĐG thực trạng CLGD và tính thích hợp của các tiêu chí kiểm định.

## **2. Cơ sở lý luận**

### **2.1. Tiêu chuẩn**

Ở Việt Nam, khái niệm “tiêu chuẩn chất lượng giáo dục” được hiểu là những yêu cầu (về mức độ và điều kiện) chất lượng của một lĩnh vực hay một mảng hoạt động giáo dục để đảm bảo CLGD (Bộ GD&ĐT, 2012). Do vậy, tiêu chuẩn ĐG chất lượng trường THPT là mức độ yêu cầu và điều kiện mà trường THPT phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn CLGD.

### **2.2. Tiêu chí**

Trong nghiên cứu này, tiêu chí là những yêu cầu (về mức độ và điều kiện) chất lượng của một hoạt động cụ thể trong một lĩnh vực hay một mảng của hoạt động giáo dục (trong tiêu chuẩn) (Bộ GD&ĐT, 2012). Có nhiều tiêu chí ĐG CLGD.

### **2.3. Chất lượng giáo dục THPT**

Chất lượng được hiểu như một khái niệm đa chiều, bao gồm tất cả các chức năng và hoạt động của một trường học (Nguyễn Kim Dung & tşk, 2009). Theo cách hiểu đó, chất lượng của một cơ sở giáo dục bao hàm các yếu tố tạo thành như: 1) việc học tập (HS); 2) việc giảng dạy (GV) và môi trường chuyên môn; 3) các chương trình giáo dục; 4) cơ sở hạ tầng; 5) quản lý; và 6) việc kiểm tra ĐG. ĐG chất lượng của một trường THPT là ĐG các lĩnh vực với những tiêu chí và những mong đợi khác nhau.

### **2.4. Tự đánh giá (Self-study)**

Là sự tự xem xét, ĐG chất lượng và tính hiệu quả của các chương trình giáo dục, chất lượng chuyên môn, đội ngũ và cơ

cấu tổ chức của một cơ sở giáo dục (trong đề tài này là trường THPT) do chính cơ sở giáo dục đó thực hiện dựa theo các tiêu chuẩn của một đơn vị đảm bảo chất lượng bên ngoài (Bộ GD&ĐT, 2012). Tự ĐG thường được tiến hành nhằm chuẩn bị cho một quá trình làm việc tại trường của một nhóm các chuyên gia đảm bảo chất lượng đến từ bên ngoài. Kết quả thường là một báo cáo tự ĐG.

### **2.5. Đánh giá ngoài (Site Visit)**

Là “hoạt động ĐG của cơ quan quản lý nhà nước nhằm xác định mức độ đạt được tiêu chuẩn ĐG CLGD của cơ sở giáo dục phổ thông” (Bộ GD&ĐT, 2012, tr.4). ĐG ngoài chính là ĐG của một nhóm các đồng nghiệp nhằm kiểm tra, xem xét báo cáo tự ĐG của cơ sở giáo dục; phỏng vấn các GV, HS và nhân viên và xem xét cơ cấu tổ chức và tính hiệu quả của trường THPT và các chương trình, hoạt động chuyên môn. Thường kết quả là một báo cáo ĐG ngoài. Đây là một phần của quy trình kiểm định, nhưng thường được bắt đầu từ chính trường THPT.

Trong nghiên cứu này, kiểm định chất lượng được xem là ĐG từ bên ngoài sau khi nhà trường thực hiện việc ĐG để đưa ra các kết luận mang tính chính thức, pháp quy về mức độ chất lượng “phù hợp với mục tiêu” – đáp ứng của nhà trường hoặc xác nhận các tiêu chuẩn đã được công nhận nói chung theo định nghĩa của Bộ GD&ĐT ban hành trong Bộ TCKĐ mới nhất về kiểm định các trường THPT ở Việt Nam.

### **2.6. Đảm bảo chất lượng (Quality Assurance)**

Là một quy trình có tính hệ thống và được hoạch định dùng để ĐG một cơ sở hoặc một chương trình giáo dục nhằm xem xét các tiêu chuẩn giáo dục đã được chấp nhận từ trước, tính chuyên môn và cơ sở hạ tầng có được duy trì và củng cố hay không. Thường đảm bảo chất lượng còn được xem là các mong đợi rằng các cơ chế kiểm soát chất lượng được vận hành và hiệu quả.

### **2.7. Kinh nghiệm về kiểm định chất lượng giáo dục THPT ở các nước**

Phần dưới đây trình bày về kinh nghiệm kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông ở các nước Hoa Kỳ, Úc và Hồng Kông.

#### **2.7.1 Kiểm định chất lượng giáo dục THPT ở Hoa Kỳ**

Mục tiêu của giáo dục phổ thông của Hoa Kỳ hướng tới việc giáo dục những công dân toàn diện trong bốn lĩnh vực chính: 1) kiến thức chuyên môn; 2) định hướng nghề nghiệp; 3) tính xã hội, công dân và văn hóa; và 4) phát triển cá nhân. Từ đó, việc xây dựng các tiêu chuẩn ĐG chất lượng các trường THPT đã phát triển rất mạnh ở Hoa Kỳ nhằm đo lường được chất lượng và hiệu quả giáo dục dựa vào các mục tiêu đã được đặt ra phù hợp với các giai đoạn phát triển của đất nước. Cũng chính vì vậy, các TCKĐ CLGD ở Hoa Kỳ thường tập trung vào người học và năng lực của người học. Bên cạnh đó, mục tiêu của kiểm định chất lượng là để đảm bảo rằng chất lượng đầu ra của các đơn vị giáo dục có thể đáp ứng các tiêu chuẩn giáo dục đã được đặt ra từ trước.

Trong suốt lịch sử phát triển của mình, Hoa Kỳ có truyền thống phân quyền

trong giáo dục rất mạnh. Ngay cả trong Hiến pháp Hoa Kỳ, các vấn đề giáo dục cũng không được đưa vào do đây là trách nhiệm của các tiểu bang. Các tiểu bang, thông qua sáu hiệp hội kiểm định vùng, đưa ra các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng cho các trường phổ thông, trong đó có THPT (Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, 2015). Mỗi tổ chức kiểm định độc lập đưa ra một Bộ TCKĐ, tiêu chí kiểm định chất lượng riêng dành cho các trường THPT, trong đó tập trung vào các mục tiêu và ưu tiên riêng của mỗi tổ chức đối với lĩnh vực giáo dục THPT song vẫn đảm bảo được mục tiêu là kiểm định giúp các trường được hưởng lợi thông qua việc cải tiến không ngừng chất lượng, để từ đó đảm bảo lợi ích cho HS của các trường (Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, 2015.)

#### **2.7.2. Kiểm định chất lượng giáo dục THPT ở Úc**

Ở Úc không có hệ thống kiểm định chung cho các trường THPT như ở Việt Nam mà ở mỗi bang hoặc vùng lãnh thổ có cơ quan phụ trách việc đăng kí và kiểm định các cơ sở/trường học cấp chứng chỉ tốt nghiệp THPT và các trường cung cấp các khóa học/chương trình học để có thể nhận được chứng chỉ tốt nghiệp THPT thông qua Khung bằng cấp chuyên môn (BCCM) (*The Australian Qualifications Framework - AQF*) do Bộ Giáo dục Úc quy định (Hội đồng Khung bằng cấp chuyên môn Úc, 2013). Khung BCCM quy định các tiêu chuẩn về bằng cấp giáo dục ở Úc và đây được xem như cơ sở để Chính phủ quản lí các bằng cấp thuộc hệ thống giáo dục và đào tạo. Khung BCCM hợp nhất các bằng cấp đã được đảm bảo chất

lượng trong từng lĩnh vực giáo dục và đào tạo với khung bằng cấp quốc gia toàn diện. Khung BCCM (xem Bảng 1) được giới thiệu đầu tiên vào năm 1995, là cơ sở cho

hệ thống bằng cấp quốc gia trong lĩnh vực giáo dục đại học, giáo dục đào tạo chuyên nghiệp và các trường học ở Úc (Hội đồng Khung bằng cấp chuyên môn Úc, 2013).

**Bảng 1.** Mô tả về các quy định trong Khung BCCM đối với chứng chỉ tốt nghiệp THPT

<b>Mục tiêu</b>	Chứng chỉ tốt nghiệp THPT được cấp dành cho những cá nhân có kiến thức, kỹ năng và các giá trị phục vụ cho các định hướng phát triển đa dạng như có thể tiếp tục học lên, đi làm và tham gia vào cuộc sống của một công dân
<b>Kiến thức</b>	HS tốt nghiệp THPT sẽ có kiến thức cơ bản về nhiều lĩnh vực và một số lĩnh vực chuyên môn
<b>Kỹ năng</b>	HS tốt nghiệp THPT sẽ có: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng đọc và viết, tính toán, giao tiếp và sử dụng công nghệ thông tin để trình bày kiến thức và ý kiến cho người khác</li> <li>- Kỹ năng nhận thức để có thể tiếp cận, ghi nhận và hành động dựa trên các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau tương ứng với các lĩnh vực môn học đã được học và có thể sử dụng các kiến thức này để phát triển trong lĩnh vực chuyên môn mới</li> <li>- Các kỹ năng nhận thức, các kỹ năng về chuyên môn, giao tiếp và sáng tạo đối với các lĩnh vực cụ thể và có thể vận dụng kiến thức ở các lĩnh vực để giải quyết vấn đề, tư duy có phân tích và linh động; và để làm việc với người khác</li> </ul>
<b>Khả năng áp dụng</b>	HS tốt nghiệp THPT sẽ có khả năng áp dụng các kiến thức và kỹ năng đã học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một cách có chiều sâu ở một số lĩnh vực để thực hiện các công việc đã biết hoặc trong các bối cảnh thay đổi</li> <li>- Trong các bối cảnh cụ thể trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc và việc học tập suốt đời như những người học thành công, các cá nhân có bản lĩnh, là thành viên trong các nhóm và các công dân năng động</li> <li>- Trong các bối cảnh mà trong đó các cá nhân phải chịu trách nhiệm cá nhân về các kết quả công việc</li> </ul>
<b>Thời gian</b>	Để đạt được chứng chỉ tốt nghiệp THPT, HS thường phải học trong 2 năm học

Các bằng cấp tốt nghiệp THPT được thiết kế và được kiểm định nghiêm ngặt nhằm đảm bảo rằng HS tốt nghiệp có thể đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và khả năng áp dụng chúng thông qua các tiêu chuẩn đối với bằng cấp tốt nghiệp THPT được quy định trong Khung BCCM.

Đối với các trường THPT, Khung BCCM bao gồm các chính sách và các hướng dẫn phục vụ cho việc chuyển đổi tín

chỉ, việc liên hệ và công nhận các kết quả học tập ở bậc học trước; các chính sách về việc cấp chứng chỉ đảm bảo sự nhất quán với các tiêu đề trên chứng chỉ; việc đăng kí của các trường được sự phê duyệt của Chính phủ.

Đối với các cơ quan kiểm định (8 cơ quan kiểm định giáo dục THPT nằm ở 8 bang hoặc vùng lãnh thổ): Khung BCCM đưa ra các tiêu chuẩn cho từng BCCM đảm

bảo sự nhất quán đối với việc kiểm định bằng cấp ở tất cả các bang và vùng lãnh thổ.

### 2.7.3. Kiểm định chất lượng giáo dục THPT ở Hồng Kông

Hồng Kông là một đặc khu hành chính thuộc Trung Quốc, song lại là một thuộc địa của Anh, nên hệ thống giáo dục của Hồng Kông bị ảnh hưởng nhiều bởi hệ thống giáo dục của Anh và Bắc Ailen, đặc biệt là hệ thống giáo dục Anh. Nền giáo dục của Hồng Kông nói chung và hệ thống đảm bảo chất lượng dành cho các trường học nói riêng cũng phát triển hơn so với các khu vực khác thuộc Trung Quốc, do được thừa hưởng từ các nền giáo dục tiên tiến của Anh và Bắc Ailen. Ở Hồng Kông, Vụ Giáo dục Hồng Kông là cơ quan cao nhất quản lý mọi vấn đề chung về giáo dục, trong đó bao gồm cả vấn đề đảm bảo chất lượng của các trường từ tiểu học đến trung học (gồm THCS và THPT) và đến cao đẳng, đại học (Vụ Giáo dục Hồng Kông, 2015).

Việc đảm bảo chất lượng (*Quality Assurance – QA*) ở các trường THPT ở Hồng Kông dựa trên các chỉ số thành tích (*Performance Indicators - PI*) của các trường. Các chỉ số thành tích là cơ sở để các trường hình thành nên các tuyên bố sứ mạng, mục tiêu của nhà trường (*The Statement of Aims*) (Macbeath, 2008). Việc đảm bảo chất lượng ở các trường học ở Hồng Kông bao gồm 2 nội dung chính: tự ĐG của các trường (*School Self-Evaluation - SSE*) và ĐG ngoài hay còn gọi là kiểm tra việc đảm bảo chất lượng tại các trường (*Quality Assurance Inspection - QAI*)

(Macbeath, 2008). Việc đảm bảo chất lượng sẽ xem xét kỹ lưỡng các điểm mạnh của hệ thống đảm bảo chất lượng đang được duy trì tại các trường, như việc quản lý, các giá trị truyền thống, các nhu cầu đang thay đổi. Việc đảm bảo chất lượng hướng đến mục tiêu nhằm đạt được CLGD cho các trường thông qua quy trình Cải tiến trường học và Trách nhiệm của nhà trường (*School Improvement and Accountability - SIA*) (Macbeath, 2008).

### 3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu hồ sơ cho thấy, đến năm 2015, trong tổng số 28 trường (20 trường công lập và 8 trường ngoài công lập) có 19 trường đạt cấp độ 3, 8 trường đạt cấp độ 1 và 1 trường đang chờ kết quả ĐG ngoài. **Không có trường nào đạt cấp độ 2.** Trong số 19 trường đạt cấp độ 3, có 15 trường là trường công lập (chiếm 75% số trường công lập tham gia ĐG ngoài đã có kết quả). Trong số 8 trường đạt cấp độ 1, có 5 trường là trường công lập (chiếm 25% số trường công lập tham gia ĐG ngoài đã có kết quả). Ngoài ra, kết quả khảo sát công tác đảm bảo chất lượng của các trường và kết quả tự ĐG, ĐG ngoài của các trường tham gia đề tài cho thấy chất lượng của các trường THPT công lập tại TPHCM chưa hoàn toàn là tốt.

#### 3.1. Kết quả khảo sát thực trạng đảm bảo chất lượng

Kết quả khảo sát thực trạng đảm bảo chất lượng tại các trường THPT ở TPHCM cho thấy phần lớn các trường (CBQL, GV, HS và PH) ĐG các mặt hoạt động như: 1) Tổ chức và quản lý; 2) Đội ngũ CBQL, GV, và nhân viên (NV); 3) Cơ sở vật chất và

trang thiết bị dạy học; 4) Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; và 5) Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là khá cao, tuy nhiên, chưa đạt đến mức độ tốt.

Ở nội dung 1, “tổ chức và quản lí”, nếu quy định trên 80% là đạt mức tốt thì CBQL và GV (chỉ có 2 đối tượng này được hỏi) là ĐG trên khá với phần lớn là **chưa đến** 80% ĐG ở mức độ tốt, trừ một số nội dung như “chấp hành đúng các quy định về quản lí hành chính của chính quyền địa phương” và “thực hiện chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lí”. Đặc biệt, ở các nội dung như “Công khai và minh bạch các công tác thu chi tài chính, khen thưởng theo đúng quy định Nhà nước” và “thực hiện kiểm tra, ĐG công tác quản lí hành chính phục vụ hoạt động GD của Trường theo đúng quy định” chỉ ở mức độ khá.

Ở nội dung 2, “đội ngũ CBQL, GV, NV và HS”, phần lớn CBQL và GV ĐG công tác quản lí của các trường (mà cụ thể là của CBQL) ở mức độ trên khá, trong đó có các nội dung được ĐG tốt như “thực hiện tốt nhiệm vụ quản lí các hoạt động giáo dục và quản lí HS theo điều lệ trường trung học”, “đội ngũ CBQL có năng lực, tâm huyết trong hoạt động giáo dục” và “thực hiện và đảm bảo các quyền cho HS theo quy định”.

Về đội ngũ GV, kết quả khảo sát cho thấy nhìn chung trên 61% các đối tượng được khảo sát ĐG ở mức bình thường trở lên như: “GV có liên hệ thực tế cuộc sống khi dạy học” hay “GV có ứng dụng công nghệ thông tin”; “GV giúp HS rèn luyện tư duy logic”; “GV hướng dẫn HS học tập

tích cực, chủ động, sáng tạo”; và “GV hướng dẫn HS biết tự ĐG kết quả học tập”.

Chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện và các phòng ban của các trường được các đối tượng khảo sát cho là cần được rà soát và cải tiến thêm vì mới chỉ có khoảng 1/2 số HS được hỏi đồng ý với chất lượng phục vụ tốt của đội ngũ này.

Về nội dung 3, “cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học” thì hầu như tất cả các đối tượng khảo sát đều ĐG ở mức trên trung bình, trung bình khá đến khá (dưới mức tốt). Một số trường có cơ sở vật chất khá tốt và tốt, tuy nhiên, số lượng này không nhiều.

Về nội dung 4, quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội thì phần lớn PH và HS ĐG cao, đặc biệt trong quan hệ giữa nhà trường và gia đình. Về quan hệ giữa nhà trường và xã hội, có một số nội dung CBQL và GV cho rằng các trường chỉ thực hiện ở mức độ trên trung bình và khá như “phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh”, “chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển trường”, “tuyên truyền về nội dung, phương pháp dạy học và tạo điều kiện để cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục”. Ngoài ra, một số nội dung khác được CBQL và GV ĐG chưa đạt mức tốt.

Về nội dung 5, “hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục”, kết quả khảo sát cho thấy trừ một nội dung như “tổ chức dạy nghề phổ thông và hướng nghiệp cho HS đáp ứng yêu cầu”, được trên 80% CBQL

lần GV ĐG là tốt, các mặt còn lại đều được ĐG từ trung bình đến khá, trong đó có một số nội dung chỉ được dưới 50% số người tham gia đánh giá tốt (“kết quả thực hiện phổ cập giáo dục đáp ứng với nhiệm vụ được giao”) do một số lí do nằm ngoài khả năng kiểm soát của các trường.

### 3.2. Kết quả ĐG ngoài so với tự ĐG của 4 trường tham gia trong nghiên cứu

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy trong 4 trường được lựa chọn để làm tự ĐG và ĐG ngoài, có 1 trường công lập đạt ở cấp độ 3 (cao nhất) và 3 trường (1 trường công lập và 2 trường tư thục) đạt ở cấp độ 1 (thấp nhất). Trong khi đó, báo cáo tự ĐG của các trường đều là đạt (xem Bảng 2, 3, 4, 5).

**Bảng 2.** Thống kê kết quả ĐG ngoài so với tự ĐG của trường THPT 1

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt		Số tiêu chí không đạt		Tiêu chí chưa đạt
		Trường tự ĐG	Đoàn ĐGN ĐG	Trường tự ĐG	Đoàn ĐGN ĐG	
Tiêu chuẩn 1	10	10	9	0	1	7 - b
Tiêu chuẩn 2	5	3	3	2	2	2 - b 4 - b
Tiêu chuẩn 3	6	6	5	0	1	1 - c
Tiêu chuẩn 4	3	3	3	0	0	
Tiêu chuẩn 5	12	12	11	0	1	3 - c
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>34</b>	<b>31</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>5</b>
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>94,44</b>	<b>86,11</b>	<b>5,56</b>	<b>13,89</b>	

**Bảng 3.** Thống kê kết quả ĐG ngoài so với tự ĐG của trường THPT 2

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt		Số tiêu chí không đạt		Ghi chú (Ghi rõ tiêu chí và chỉ số không đạt)
		Trường tự ĐG	Đoàn ĐGN ĐG	Trường tự ĐG	Đoàn ĐGN ĐG	
Tiêu chuẩn 1	10	9	9	1	1	1 <sup>a</sup>
Tiêu chuẩn 2	5	5	4	0	1	2b
Tiêu chuẩn 3	6	6	6	0	0	
Tiêu chuẩn 4	3	3	3	0	0	
Tiêu chuẩn 5	12	12	12	0	0	
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>35</b>	<b>34</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>97,22</b>	<b>94,44</b>	<b>2,78</b>	<b>5,56</b>	

**Bảng 4.** Thống kê kết quả ĐG ngoài so với tự ĐG của trường THPT 3

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt		Số tiêu chí không đạt		Tiêu chí chưa đạt
		Trường	Đoàn	Trường	Đoàn ĐGN	
		TĐG	ĐGN ĐG	tự ĐG	ĐG	
Tiêu chuẩn 1	10	10	9	0	1	7b
Tiêu chuẩn 2	5	5	2	0	3	1b, 3a-b, 4b
Tiêu chuẩn 3	6	6	5	0	1	2c
Tiêu chuẩn 4	3	3	3	0	0	
Tiêu chuẩn 5	12	11	11	1	1	3a-b-c
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>35</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>97,22</b>	<b>83,33</b>	<b>2,78</b>	<b>16,67</b>	

**Bảng 5.** Thống kê kết quả ĐG ngoài so với tự ĐG của trường THPT 4

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt		Số tiêu chí không đạt		Tiêu chí chưa đạt
		Trường	Đoàn	Trường	Đoàn	
		tự ĐG	ĐGN ĐG	tự ĐG	ĐGN ĐG	
Tiêu chuẩn 1	10	10	9	0	1	2b
Tiêu chuẩn 2	5	5	5	0	0	
Tiêu chuẩn 3	6	6	6	0	0	
Tiêu chuẩn 4	3	3	3	0	0	
Tiêu chuẩn 5	12	10	9	2	3	1c,3a, 3b
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>34</b>	<b>32</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>94,4</b>	<b>88,9</b>	<b>5,6</b>	<b>11,1</b>	

Các Bảng 2, 3, 4 và 5 cho thấy kết quả tự ĐG của 4 trường tương đối cao với trường cao nhất đạt trên 94% các tiêu chí đạt chuẩn. Tuy nhiên, kết quả ĐG ngoài đối với các tiêu chí đạt của các trường đều có xu hướng giảm, trong đó, số tiêu chí đạt theo tự ĐG của các trường bị ĐG không đạt sau khi ĐG ngoài cao nhất là khoảng 14% và thấp nhất là 3%. Điều này chứng tỏ kết quả ĐG ngoài đã có phần thấp hơn so với kết quả tự ĐG của các trường và sự chênh lệch giữa kết quả tự ĐG và kết quả ĐG ngoài tương đối cao (trên 10%).

Đáng chú ý ở các tiêu chí không đạt của các trường là có 2 trên tổng số 4 trường đều không đạt ở tiêu chí 2b thuộc tiêu chuẩn 2 (GV làm công tác Đoàn TNCS HCM, tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong HCM, GV làm công tác tư vấn cho HS đảm bảo quy định); 2 trên tổng số 4 trường đều không đạt ở tiêu chí 7b thuộc tiêu chuẩn 1 (lưu trữ hồ sơ, văn bản đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ); tiêu chí 2b thuộc tiêu chuẩn 1; tiêu chí 4b thuộc tiêu chuẩn 2 (Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị dạy học có trình độ trung cấp trở



lên theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo công việc); tiêu chí 3a thuộc tiêu chuẩn 5 (Có kế hoạch và triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục theo nhiệm vụ được chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giáo dục cấp trên giao); tiêu chí 3b thuộc tiêu chuẩn 5 (Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục đáp ứng nhiệm vụ được giao) và tiêu chí 3c thuộc tiêu chuẩn 5 (Kiểm tra, ĐG công tác phổ cập giáo dục theo định kỳ để có biện pháp cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác).

Ngoài ra, kết quả cho thấy do các cấp độ ĐG còn chưa hợp lí, trong đó cấp độ 2 có nhiều tiêu chí bắt buộc, nên phần lớn các trường hoặc được xếp cấp độ 3, hoặc cấp độ 1, không có trường được xếp ở cấp độ 2.

### 3.3. Mức độ hợp lí và khả thi của các TCKĐ so với thực tế tại các trường THPT

Kết quả cho thấy các TCKĐ chất lượng các trường THPT do Bộ GD&ĐT ban hành có tính khả thi cao, tuy nhiên, chưa hoàn toàn phù hợp với các trường THPT ngoài công lập, đặc biệt là các trường có yếu tố nước ngoài.

Một số lí do thuộc về bản thân các tiêu chí, một số phụ thuộc vào cách ĐG ngoài. Ngoài ra, một số quy định về tiêu chí bắt buộc đã làm cho các trường không thể đạt cấp độ 2, và trên thực tế, không trường nào có thể đạt cấp độ 2.

Bảng 6 dưới đây mô tả các số liệu thống kê về kết quả ĐG ngoài của các trường.

**Bảng 6. Thống kê về kết quả ĐG ngoài của 4 trường THPT tham gia**

	Tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt theo kết quả ĐG ngoài	Tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt theo kết quả ĐG ngoài	Tên các tiêu chí (chỉ số) không đạt	Đạt cấp độ
<b>Trường THPT 1</b>	86,11%	13,89 %	1.7(b); 2.2(b); 2.4(b); 3.1(c); 5.3(c)	3
<b>Trường THPT 2</b>	94,44%	5,56%	1.1(a); 2.2(b)	1
<b>Trường THPT 3</b>	83,33%	16,67%	1.7 (b); 2.1 (b); 2.3 (a,b); 2.4 (b); 3.2 (c); 5.3 (a,b,c)	1
<b>Trường THPT 4</b>	88,9%	11,1%	1.2(b); 5.1 (a,b)	1

Các số liệu trong Bảng 6 cho thấy trường THPT 1 được ĐG với 86,11% tiêu chí đạt (>85%) và các tiêu chí đạt nằm trong danh sách các tiêu chí bắt buộc phải đạt (để được công nhận mức độ 2 theo quy

định). Theo đó, trường THPT 1 được công nhận ĐG đạt ở cấp độ 3 – cấp độ cao nhất trong các cấp độ ĐG theo quy định của Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT Quy định về tiêu chuẩn ĐG CLGD và quy trình, chu

kiểm định CLGD cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Hai trường THPT 2 và 4 mặc dù có tỉ lệ các tiêu chí đạt trên 85%, song lại không đảm bảo được điều kiện có các tiêu chí bắt buộc phải đạt ở một số tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT như tiêu chí: 1.1 (do trường không có phó hiệu trưởng - trường hợp của trường THPT 2); và tiêu chí 1.2 (do trường có một số lớp có sĩ số trên 45 HS) và 5.1 (do trường chưa thực hiện rà soát, ĐG việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập hàng tháng – trường hợp của trường THPT 4). Đối với trường THPT 3, mặc dù tỉ lệ các tiêu chí đạt của trường đạt trên mức 70%, ứng với cấp độ 2 về xếp loại kiểm định chất lượng, tuy nhiên, trường lại không đảm bảo được điều kiện là phải có một số tiêu chí bắt buộc phải đạt. Cụ thể, các tiêu chí trường không đạt làm cho trường đáng lẽ được ĐG từ cấp độ 2 xuống cấp độ 1 bao gồm tiêu chí 2.1 (do nhà trường chưa thực hiện tốt quy trình ĐG năng lực hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học) và 2.3 (do các năm học gần đây, trường không tham gia các cuộc thi GV giỏi nên chưa đủ tỉ lệ GV dạy giỏi cấp Thành phố theo quy định).

Theo kết quả ĐG ngoài, đoàn ĐG ngoài có đề nghị trường THPT 3 bổ sung thêm nội dung của điểm yếu đối với tiêu chí 2.3 đó là: trường chưa thực hiện tốt quy trình ĐG GV theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp GV THCS, GV THPT. Tuy nhiên, theo nội dung của Thông tư 30/2009/TT-

BGDĐT về Ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp GV THCS, GV THPT, quy trình ĐG GV chỉ được đề cập gồm 3 bước: GV tự ĐG, xếp loại; tổ chuyên môn ĐG, xếp loại; và hiệu trưởng ĐG, xếp loại GV. Theo quy trình này, GV sẽ được ĐG theo 4 mức: xuất sắc, khá, trung bình và kém. Tuy nhiên, đây mới chỉ là các xếp loại GV theo cấp trường hàng năm, mà không hề đề cập danh hiệu GV dạy giỏi cấp Tỉnh. Như vậy, ĐG của đoàn ĐG ngoài đối với việc bổ sung điểm yếu liên quan đến nội hàm của chỉ số b thuộc tiêu chí 2.3 của trường THPT 3 chưa thực sự thuyết phục và phù hợp với nội hàm của chỉ số thuộc tiêu chí này. Ngoài ra, trên thực tế, theo kết quả phỏng vấn ban giám hiệu của trường THPT 3, một số năm gần đây trường cũng không nhận được thông báo về việc tổ chức các cuộc thi GV dạy giỏi cấp Thành phố, do đó, GV của trường không có điều kiện tham gia và có thể đạt được các kết quả này. Như vậy, việc quy định nội hàm của chỉ số b, thuộc tiêu chí 2.3 cũng được xem xét và áp dụng phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng tỉnh, thành cũng như từng trường khác nhau. Chẳng hạn ở TPHCM, nếu có nhiều trường ngoài công lập không được thông báo hoặc có điều kiện tham gia cuộc thi GV dạy giỏi cấp Thành phố thì các trường sẽ không thể được ĐG đạt ở tiêu chí 2.3.

Ngoài ra, nhiều tiêu chí trong Bộ TCDG chưa thật sự chú trọng đến CLGD và mức độ hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục mà tập trung vào việc tuân thủ các quy định của cấp trên. Điều này cho thấy Bộ TCDG thiên về kiểm

tra/thanh tra/kiểm toán hơn là kiểm định. Cụ thể, một số tiêu chí vẫn còn chú trọng nhiều đến các nội dung và yêu cầu mang tính hình thức mà chưa đi sâu vào chất lượng và hiệu quả bên trong. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tiêu chí có nội hàm không phù hợp với điều kiện thực tế tại các trường đặc biệt là các trường THPT ngoài công lập. Bên cạnh đó, các nội dung về việc xây dựng chiến lược của các trường, chương trình giáo dục của các trường mới chỉ chú trọng đến việc phù hợp với các mục tiêu giáo dục (mục tiêu chung) mà chưa tích hợp và cập nhật với xu thế hội nhập và phát triển của thế giới cũng như các mục tiêu phát triển đặc trưng của từng trường cụ thể.

Thêm vào đó, như nghiên cứu của chúng tôi về các TCKĐ của Hồng Kông cho thấy, điểm khác biệt rõ rệt nhất trong nội dung hai Bộ TCKĐ của Việt Nam và Hồng Kông là trong khi nội dung các tiêu chuẩn trong Bộ TCKĐ của Việt Nam còn tập trung nhiều đến các yếu tố “đầu vào” – các yếu tố cần phải thực hiện của nhà trường và còn tương đối bám sát vào các quy định “cứng” của Bộ TCKĐ và các mục tiêu giáo dục chung được quy định chung của Luật Giáo dục thì các nội dung trong khung các chỉ số thành tích của Hồng Kông chú trọng nhiều hơn đến yếu tố “đầu ra” – hiệu quả thực hiện và hiệu quả của

quy trình “lên kế hoạch – thực hiện – ĐG” và bám sát vào nhu cầu thực tế của người học. Thêm vào đó, các nội dung trong Bộ TCKĐ của Hồng Kông cũng đã thể hiện được tính kế thừa từ những giai đoạn phát triển trước của nhà trường cũng như tính “riêng” của mỗi trường, nhằm tạo điều kiện để mỗi trường có thể có được báo cáo tự ĐG phản ánh đúng được bản chất và văn hóa riêng của mỗi trường, không giống nhau ở hầu hết các trường. Trong khi đó, ở Bộ TCKĐ của Việt Nam, các nội dung này nhìn chung vẫn chưa được thực sự chú trọng.

#### **4. Đề xuất**

Các đề xuất trong phần này sẽ tập trung vào việc cải tiến các TCKĐ trong bộ TCKĐ chất lượng các trường THPT của Việt Nam để nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm định CLGD tại các trường THPT ở TPHCM cũng như ở Việt Nam hiện nay.

Việc điều chỉnh và bổ sung, thay đổi các tiêu chí kiểm định chất lượng để đảm bảo tính phù hợp và khả thi là cần thiết. Ngoài ra, Bộ TCKĐ cần tập trung nhiều hơn cho việc cải tiến chất lượng và sứ mạng, mục tiêu của nhà trường. Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một vài kiến nghị (xem Bảng 7) đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm góp phần chỉnh sửa những chỗ còn chưa hợp lý của Bộ TCKĐ.

**Bảng 7. Các tiêu chí đề nghị thay đổi, bổ sung**

Tiêu chí	Tiêu chí đang sử dụng	Đề nghị chuyển thành
1.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi là Điều lệ trường trung học) và các quy định của Bộ GD&ĐT	Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường được thực hiện theo các quy định hiện hành và <i>hoạt động có hiệu quả</i>
1.3	Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Đội TNTN HCM, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật	<i>Các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng</i> hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật
1.4	Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng (tổ Giáo vụ và Quản lí HS, tổ Quản trị đời sống, các bộ phận khác đối với trường chuyên biệt) theo quy định tại Điều lệ trường trung học	Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng ( <i>ví dụ, tổ Giáo vụ và Quản lí HS, tổ Quản trị đời sống, các bộ phận khác đối với trường chuyên biệt</i> ) theo quy định tại Điều lệ trường trung học và <i>hoạt động có hiệu quả</i>
1.5	Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường	Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển nhà trường <i>theo sứ mạng và mục tiêu đã đề ra</i>
2.1	Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục	Năng lực của <i>Ban giám hiệu/điều hành</i> trong quá trình triển khai hiệu quả các hoạt động GD
2.2	Số lượng, trình độ đào tạo của GV theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học	Số lượng, trình độ đào tạo của GV theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học và <i>thực hiện hiệu quả quá trình giáo dục, đáp ứng mục tiêu phát triển của trường</i>
2.3	Kết quả ĐG, xếp loại GV và việc đảm bảo các quyền của GV	Kết quả ĐG, xếp loại GV và việc đảm bảo các quyền của GV và <i>đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường</i>
2.4	Số lượng, chất lượng và việc đảm bảo các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường	Số lượng, chất lượng và việc đảm bảo các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường <i>đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường</i>
5.1	Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lí giáo dục địa phương	Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lí giáo dục địa phương và theo hướng <i>hỗ trợ các nhu cầu phát triển toàn diện và đa dạng của HS bao gồm các mặt học thuật, văn hóa, xã hội, thể chất và tình cảm</i>
5.3	Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương	Đề nghị bỏ tiêu chí này
5.9	Kết quả xếp loại học lực của HS hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục	Kết quả xếp loại học lực của HS hằng năm <i>đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường</i>

Tiêu chí	Tiêu chí đang sử dụng	Đề nghị chuyển thành
5.10	Kết quả xếp loại hạnh kiểm của HS hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục	Kết quả xếp loại hạnh kiểm của HS hằng năm <i>đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường</i>
5.12	Hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường	Hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường <i>được DG “dựa trên mục tiêu và kế hoạch ban đầu của nhà trường</i> Đề nghị thêm vào: Hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường <i>được so sánh giữa từng năm học (5 năm liên tiếp) của trường và thể hiện qua các thống kê số lượng HS của các trường trúng tuyển vào các trường đại học trong và ngoài nước</i>
5.13		

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục Hoa Kỳ. (2015). *Kiểm định và Đảm bảo chất lượng ở Hoa Kỳ*. Truy cập ngày 01/4/2015 tại địa chỉ: <https://www2.ed.gov/about/offices/list/ous/international/usnei/us/edlite-accreditation.html>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 23/11/2012 Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên*.
- Nguyễn Kim Dung, Huỳnh Xuân Nhựt (2009). *Các khái niệm chất lượng, văn hóa chất lượng, đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*. Tài liệu tập huấn Chương trình Kiểm định viên giáo dục cao đẳng, đại học của Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo, Đại học Quốc gia TPHCM tháng 08/2016.
- Hội đồng Khung bằng cấp Chuyên môn Australia. (2013). *Khung bằng cấp Chuyên môn Úc (phiên bản 2)*. Truy cập ngày 01/12/2013 tại địa chỉ: <https://www.aqf.edu.au/sites/aqf/files/aqf-2nd-edition-january-2013.pdf>
- Vụ Giáo dục Hồng Kông. (2015). *Đảm bảo chất lượng cho các trường học ở Hồng Kông*, Truy cập ngày 01/4/2015 tại địa chỉ: <http://www.edb.gov.hk/en/sch-admin/sch-quality-assurance/about-sch-quality-assurance/index.html>
- MacBeath, J. (2008), *The Impact Study on the Effectiveness of External School Review in Enhancing School Improvement through School Self-Evaluation in Hong Kong – Final Report*, University of Cambridge, download from [http://www.edb.gov.hk/attachment/en/sch-admin/sch-quality-assurance/reports/expert-advice-report/final\\_report\\_of\\_impact\\_study\\_english\\_0708.pdf](http://www.edb.gov.hk/attachment/en/sch-admin/sch-quality-assurance/reports/expert-advice-report/final_report_of_impact_study_english_0708.pdf)